

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST
Ngày 29-9-2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Chung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Toàn;

Ông Trần Ngọc Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Long Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị TTH; địa chỉ: Xóm A, xã B, thành phố C, tỉnh Hà Tĩnh - Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh TLA; nơi ĐKKHKT: Xóm D, xã E, huyện F, tỉnh Nghệ An; nơi tạm trú: Số G đường H, phường I, quận J, thành phố Hải Phòng - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19-7-2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị TTH trình bày:

Chị TTH và anh TLA xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thành phố C, tỉnh Hà Tĩnh theo Giấy

chứng nhận đăng ký kết hôn số 12/2008, ngày 07-07-2008. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, không quan tâm, yêu thương nhau. Sau khi chung sống khoảng 01 năm thì anh TLA bỏ đi khỏi nhà, từ đó đến nay không có tin tức, không có trách nhiệm với gia đình, hai vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay, thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ gia đình nên chị TTH đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng giải quyết cho chị TTH được ly hôn với anh TLA theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị TTH và anh TLA có 01 con chung là K, sinh ngày 05-01-2009. Hiện tại, cháu K do chị TTH đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị TTH đề nghị Tòa án giao cháu K cho chị TTH trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị TTH và anh TLA tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị TTH không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn là anh TLA không hợp tác, không đến Tòa án làm thủ tục theo quy định. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng (thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo về việc đăng tin, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa) cho anh TLA. Tuy nhiên, anh TLA không đến Tòa án làm việc, không lấy được lời khai, cũng như không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị TTH.

Tại Biên bản xác minh ngày 14-12-2021, Công an phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xác nhận: Anh TLA, ĐKHKT tại Xóm D, xã E, huyện F, tỉnh Nghệ An có tạm trú tại: Số G đường H, phường I, quận J, thành phố Hải Phòng. Công việc của anh TLA là lái xe nên thường xuyên vắng mặt tại địa phương.

Tại Biên bản xác minh ngày 17-01-2022, Tổ dân phố H 6, phường I, quận J, thành phố Hải Phòng xác nhận: Anh TLA, ĐKHKT tại Xóm D, xã E, huyện F, tỉnh Nghệ An có tạm trú tại: Số G đường H, phường I, quận J, thành phố Hải Phòng từ năm 2018. Quá trình anh TLA sinh sống tại địa chỉ nơi tạm trú không chung sống với người nào có tên TTH.

Tại Đơn đề nghị ngày 15-10-2021, cháu K đề nghị được ở với chị TTH sau khi chị TTH và anh TLA ly hôn.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng; về việc thu thập tài liệu, chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát; việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chị TTH và anh TLA kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thành phố C, tỉnh Hà Tĩnh theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 12/2008, ngày 07-07-2008, nên hôn nhân giữa chị TTH và anh TLA là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị TTH, anh TLA bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, giữa hai bên đã sống ly thân từ năm 2009 đến nay, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ Luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị TTH được ly hôn với anh TLA.

Về con chung: Giao con chung K, sinh ngày 05-01-2009 cho chị TTH trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu K trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác theo quy định của pháp luật.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị TTH không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị TTH không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị TTH phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo Đơn khởi kiện và Biên bản xác minh ngày 14-12-2021; ngày 17-01-2022 của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng tại Tổ dân phố H 6, phường I và Công an phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng thể hiện: Anh TLA, ĐKHKT tại Xóm D, xã E, huyện F, tỉnh Nghệ An có tạm trú tại: Số G đường H, phường I, quận J, thành phố Hải Phòng. Căn cứ các điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án khởi kiện xin ly hôn giữa nguyên đơn là chị TTH với bị đơn là anh TLA thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị TTH có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn là anh TLA mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị TTH và anh TLA.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị TTH và anh TLA kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thành phố C, tỉnh Hà Tĩnh theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 12/2008, ngày 07-07-2008, nên quan hệ hôn nhân giữa chị TTH và anh TLA là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Chị TTH cho rằng quá trình chung sống, giữa chị TTH và anh TLA phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, không quan tâm, yêu thương nhau. Sau 01 năm chung sống, anh TLA bỏ đi khỏi nhà; hai bên sống ly thân từ năm 2009 đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Do vậy, chị TTH làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh TLA theo quy định của pháp luật.

Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng (thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo về việc đăng tin; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa) cho anh TLA. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh TLA không tới Tòa án làm việc, cũng như không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị TTH. Điều đó thể hiện việc anh TLA không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa chị TTH và anh TLA không đạt được mục đích hôn nhân để xây dựng gia đình

hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị TTH yêu cầu ly hôn với anh TLA là có căn cứ, phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu của chị TTH: Chị TTH được ly hôn với anh TLA.

[5] Về con chung: Chị TTH và anh TLA có 01 con chung là K, sinh ngày 05-01-2009. Hiện tại, cháu K do chị TTH đang trực tiếp nuôi dưỡng. Anh TLA do tính chất công việc là lái xe nên không thường xuyên ở nhà. Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, chị TTH đề nghị Tòa án giao cháu K cho chị TTH trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu K trưởng thành, đủ 18 tuổi là phù hợp với thực tế, đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt cho con chung, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị TTH và anh TLA tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này các bên có yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6] Về tài sản chung : Chị TTH không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị TTH phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số : 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu , miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị TTH được ly hôn anh TLA.

2. Về con chung: Giao con chung là K, sinh ngày 05-01-2009 cho chị TTH trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con do chị TTH và anh TLA tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh TLA có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị TTH cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh TLA trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp anh TLA lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị TTH có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của anh TLA.

3. Về tài sản chung: Chị TTH không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị TTH phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009503, ngày 08-10-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Chị TTH đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND xã B, thành phố C, tỉnh Hà Tĩnh (GCN kết hôn số 12/2008, ngày 07-07-2008);
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hữu Chung